TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-7-2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về "*Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Như M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 212H5 Nguyễn Hữu Cảnh, phường TN, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Đức Th, sinh năm 1962;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Số 212H5 Nguyễn Hữu Cảnh, phường TN, thành phố V, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Ngô Như M trình bày:

Bà Ngô Như M và ông Đỗ Đức Th tự nguyện chung sống vào năm 1987, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 6 năm 1987 tại UBND phường 9, Đặc khu VT-CĐ nay là thành phố V, tỉnh B.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 1992 khi sinh con thứ hai thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có lòng tin lẫn nhau. Mặc dù ông bà cố gắng khắc phục khuyết điểm để hàn gắn tình cảm và tương lai của các con nhưng không thành, cuộc sống chung ngày càng bế tắc. Vì vậy từ năm 1996 bà M làm thủ tục ly hôn nhưng ông Th không đồng ý và bỏ nhà đi biệt tích đến nay không trở về, đồng thời cũng không liên lạc, thư từ hay để lại lời nhắn gì cho bà M và gia đình. Bà M cùng gia đình đã tìm kiếm, liên lạc với gia đình của ông Th và những người quen biết nhưng đến nay vẫn không rõ tung tích của ông Th.

Sau một thời gian không có tin tức gì của ông Th nên bà M có đơn yêu cầu tuyên bố ông Th mất tích. Ngày 10-3-2021 Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS tuyên bố ông Th mất tích.

Nay, bà M nhận thấy ông Th đã mất tích một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Đỗ Đức Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 15-2-1987 và cháu Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 16-8-1992, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Đức Th: Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Th vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn " được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Th tự nguyện chung sống vào năm 1987 được UBND phường 9, Đặc khu VT-CĐ nay là phường 9, thành phố V, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 25-6-1987.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 1992 phát sinh mâu thuẫn do không còn lòng tin yêu quý trọng lẫn nhau. Mặc dù ông bà cố gắng khắc phục khuyết điểm để hàn gắn tình cảm và tương lai của các con nhưng không thành, cuộc sống chung ngày càng bế tắc. Vì vậy từ năm 1996 bà M làm thủ tục ly hôn nhưng ông Th không đồng ý và bỏ nhà đi biệt tích đến nay không trở về, đồng thời cũng không liên lạc, thư từ hay để lại lời nhắn gì cho bà M và gia đình. Bà M cùng gia đình đã tìm kiếm, liên lạc với gia đình của ông Th và những người quen biết nhưng đến nay vẫn không rõ tung tích của ông Th. Ngày 10-3-2021 theo yêu cầu của bà M, Toà án nhân dân thành phố V đã tuyên bố ông Đỗ Đức Th mất tích.

Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông Th là có thật và đã kéo dài trước khi ông Th mất tích nên hôn nhân giữa bà M và ông Th chỉ còn trên danh nghĩa mà thực tế không còn chung sống, mâu thuẫn gia đình thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà M yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 15-2-1987 và cháu Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 16-8-1992, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do bà M là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Th không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Như M đối với ông Đỗ Đức Th về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Như M được ly hôn với ông Đỗ Đức Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 15-2-1987 và cháu Đỗ Thị Mai L, sinh ngày 16-8-1992, các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Như M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Ngô Như M phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003481 ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Ngô Như M đã nộp xong án phí. Ông Đỗ Đức Th không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường 9, TP V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Yến Oanh